TÒA ÁN ND Q.LIÊN CHIỂU **THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2024/DS-ST
Ngày: 09.9.2024
"V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN LIÊN CHIỂU - TP ĐÀ NẴNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Thanh Hùng

- *Các Hội thẩm nhân dân:*Bà Trương Thị Mỹ Hạnh
Ông Nguyễn Văn Dũng

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Lương Thị Thanh Dung - Thư ký Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 09 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 143/2024/TLST-DS ngày ngày 26 tháng 6 năm 2024 về việc "*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 85/2024/QĐXX-ST ngày 25.7.2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 104/2024/QĐST- DS ngày 22 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông **Kiều Đức H**, sinh năm 1955. Địa chỉ: Tổ D, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, có mặt.

- Bị đơn: Ông **Phan Văn C**, sinh năm: 1967. Địa chỉ: Tổ F, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Trịnh Thị H1**, sinh năm 1943. Địa chỉ: Tổ F, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn ông Kiều Đức H trình bày:*

Do quan hệ quen biết nên ông Kiều Đức H có cho ong Phan Văn C vay nhiều lần với tổng số tiền là 160.000.000 đồng. Theo các giấy mượn tiền ngày 05/9/2020, ngày 05/12/2020, ngày 11/01/2021 và ngày 05/02/2021. Ông Kiều Đức H đã nhiều lần yêu cầu ông Phan Văn C phải trả số tiền trân cho ông H nhưng ông C không trả. Nay ông H yêu cầu ông Phan Văn C phải trả cho ông H số tiền 160.000.000 đồng, ông H không yêu cầu tính lãi.

Trong quá trình vay ông C có đưa cho ông H để làm tin bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP874474 do Ủy ban nhân dân quận L cấp cho bà Trịnh Thị H1 là mẹ ông C vào ngày 27/02/2019 đối với thửa đất số 32, tờ bản đồ số 107, địa chỉ: Tổ F, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiên đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này ông H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai, trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Phan Văn C trình bày:* Ông Phan Văn C thống nhất với yêu cầu khởi kiện của ông Kiều Đức H về tổng số tiền nợ 160.000.000 đồng. Tuy nhiên hiện tại ông Phan Văn C không có khả năng trả nợ, ông C hẹn ông H đến tháng 03 năm 2025 sẽ rả dứt điểm số nợ trên cho ông Kiều Đức H.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đứng tên mẹ ông C là bà Trịnh Thị H1 thì ông C cũng không có yêu cầu gì.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị H1 trong quá trình giiar quyết vụ án vắng mặt và cũng không có ý kiến gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về xác định quan hệ pháp luật, thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Nguyên đơn ông Kiều Đức H khởi kiện Phan Văn C cư trú tại địa chỉ: Tổ F, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng về việc yêu cầu ông Phan Văn C phải có nghĩa vụ trả số tiền 160.00.000 đồng. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng Dân sự. Xác định quan hệ pháp luật giải quyết là *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Liên Chiểu, thành phố Đà Nẵng.

[1.2] Về sự vắng mặt của đương sự: Mặc dù đã được triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn ông Phan Văn C và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trịnh Thị H1 vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[2] Về nội dung vụ án:

Căn cứ Giấy mượn tiền 05/9/2020, ngày 05/12/2020, ngày 11/01/2021 và ngày 05/02/2021 ông Phan Văn C có vay của ông Kiều Đức H số tiền 160.00.000 đồng. Tại biên tự khai và biên bản hòa giải ngày 18/7/2024 ông Phan Văn C cũng đã thừa nhận còn nợ của ông Kiều Đức H số tiền 160.00.000 đồng. Cùng ngày Tòa án cũng đã lập biên bản hòa giải thành có nội dung: Ông Phan Văn C có trách nhiệm trả cho ông Kiều Đức H số tiền 160.000.000 đông thành 02 dợt, đợt 1: Ngày 30/12/2024 trả số tiền 50.000.000 đồng; Ngày 30/3/2024 trả số tiền 110.000.000 đồng. Tuy nhiên trong thời hạn 7 ngày chờ ngày ra quyết định thì ông Phan Văn C thay đổi ý kiến, ông C cho rằng chỉ nợ ông H số tiền 130.000.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy: 04 Giấy mượn tiền mà ông H cung cung cho Tòa án thể hiện ông C có nợ của ông H số tiền 160.000.000 đồng, xuyên suốt trong quá trình giải quyết vụ án ông C đã thừa nhận số tiền này. Đối với các giấy mượn tiền nêu trên thì ông C cũng không có ý kiến gì. Việc ông C chỉ nhớ những lần nhận tiền từ ông H để xác định rằng ông C còn nợ ông H số tiền 130.000.000 đồng là không có căn cứ. Căn cứ vào Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự quy định thì nghĩa vụ chứng minh thuộc về đương sự, trong trường hợp này nguyên đơn ông Kiều Đức H đưa ra chứng cứ thể hiện bị đơn ông Phan Văn C còn nợ của ông Kiều Đức H số tiền: 160.000.00 đồng. Bị đơn ông Phan Văn C không xuất trình được bất kỳ tài liệu chứng cứ nào để chứng minh cho lời trình bày của mình là có căn cứ. Ông Kiều Đức H đã nhiều lần yêu cầu ông Phan Văn C trả nợ nhưng ông C chưa trả nợ cho ông H nên ông C phải có trách nhiệm phải trả cho ông H số tiền 160.000.000 đồng. Căn cứ quy định tại các Điều 274 và Điều 280 Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Kiều Đức H đối với bị đơn ông Phan Văn C. Buộc ông Phan Văn C phải có nghĩa vụ trả cho cho ông Kiều Đức H số tiền số tiền 160.000.000 đồng.

[3] Đối với tiền lãi chậm trả trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn không yêu cầu bị đơn trả tiền lãi, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Trong quá trình vay ông C có đưa cho ông H để làm tin bản gốc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CP874474 do Ủy ban nhân dân quận L cấp cho bà Trịnh Thị H1 là mẹ ông C vào ngày 27/02/2019 đối với thửa đất số 32, tờ bản đồ số 107, địa chỉ: Tổ F, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Tuy nhiên đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này ông H và bà H1 không yêu cầu Tòa án không giải quyết. Trường hợp sau này đương sự có yêu cầu thì giải quyết bằng một vụ án khác.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Kiều Đức H được chấp nhận nên bị đơn ông Phan Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm với số tiền: 8.000.000đ *(Tám triệu đồng)*.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Điều 26, 35, 39, 235, 244 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng Dân sự.

Căn cứ vào: Điều 117, 119, 274 và Điều 280 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào: Các Điều 13, 15 và khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Bộ luật Tố tụng dân sự.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Kiều Đức H đối với bị đơn ông Phan Văn C về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"*.

X: Buộc ông Phan Văn C phải trả cho ông Kiều Đức H số tiền 160.000.000đ *(Một trăm sáu mươi triệu đồng)*.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. Án phí dân sự sơ thẩm là: 8.000.000đ *(Tám triệu đồng)* ông Phan Văn C phải chịu.

3. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại

phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh H2

- Các đương sự;
- VKSND quận Liên Chiểu;
- Chi cục T;
- Lưu hồ sơ.

Thành viên Hội đồng xét xử

Các Hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- *Các đương sự;*
- *VKSND quận Liên Chiểu;*
- *Chi cục T;*
- *Lưu hồ sơ.*

Phạm Thanh Hùng

Nơi nhận:
- *Các đương sự;*
- *VKSND quận Liên Chiểu;*
- *Chi cục THADS Q. Liên Chiểu;*
- *Lưu hồ sơ.*

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thanh Hùng

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

HỘI THẨM NHÂN DÂN **CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**